

Post: Contact:
Air Navigation Department
119 Nguyen Son Str.,
Bo De Ward,
Ha Noi, Viet Nam
Tel: +84 24 38274191
Fax: +84 24 38274194
E-mail: and@caa.gov.vn
Web: http://caa.gov.vn

CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM
CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIET NAM



AIP SUP
18/26
Có hiệu lực từ
Effective from
16 APR 2026
Được xuất bản vào
Published on
19 MAR 2026

ĐƯA VÀO KHAI THÁC KHU VỰC SÂN ĐỒ MỞ RỘNG (1C) TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ PHÚ QUỐC (VVPQ)

PUT INTO OPERATION THE EXPANDED APRON (1C) AT PHU QUOC INTERNATIONAL AIRPORT (VVPQ)

1 GIỚI THIỆU

Ngày 09/02/2026, Tập bổ sung AIP 09/26 đã được phát hành để thông báo về việc điều chỉnh phương án vận hành tàu bay tại Cảng hàng không quốc tế Phú Quốc (VVPQ).

Tập bổ sung AIP này nhằm thông báo về việc đưa vào khai thác khu vực sân đồ mở rộng (1C) tại Cảng hàng không quốc tế Phú Quốc (VVPQ).

Tập bổ sung AIP này sẽ huỷ bỏ: Các NOTAM A0548/26, A0572/26, A0573/26, A0574/26 và Tập bổ sung AIP 09/26.

1 INTRODUCTION

On 09 FEB 2026, AIP Supplement 09/26 was issued to announce the adjustment of the operational procedures at Phu Quoc International Airport (VVPQ).

This AIP Supplement issues notification of the putting into operation of the expanded apron (1C) at Phu Quoc International Airport (VVPQ).

This AIP Supplement shall supersede: NOTAMs A0548/26, A0572/26, A0573/26, A0574/26 and AIP Supplement 09/26.

2 CHI TIẾT

2.1 Thời gian áp dụng: From 0000 ngày 16/04/2026 (UTC)

2.2 Thông số kỹ thuật sân đồ 1C

- Chiều dài, chiều rộng: 270,0 m x 194,0 m.
- Sức chịu tải: PCR = 820/R/A/W/T.
- Loại tầng phủ bề mặt: Bê tông xi măng.

2.3 Tọa độ và mức cao các vị trí đỗ tàu bay của sân đồ 1C

2 DETAILS

2.1 Applicable time: From 0000 on 16 APR 2026 (UTC)

2.2 Characteristics of apron 1C

- Length, width: 270.0 m x 194.0 m.
- Strength: PCR = 820/R/A/W/T.
- Surface: Cement concrete.

2.3 The INS coordinates and elevation for aircraft stands of apron 1C

Vị trí đỗ tàu bay Aircraft stand	Tọa độ WGS-84 WGS-84 coordinates		Mức cao (M) Elevation (M)
15	100959.72 N	1035952.05 E	7.851
16	100959.87 N	1035950.58 E	7.890
17	101000.02 N	1035949.04 E	7.833
18	101000.17 N	1035947.57 E	7.779
19	101000.32 N	1035946.04 E	7.721

Hạn chế khai thác:

Các vị trí đỗ 15, 16, 17, 18, 19: Sử dụng cho tàu bay A321 và tương đương trở xuống.

Operation limitation:

Stands 15, 16, 17, 18, 19: Used for aircraft up to A321 and equivalent.

2.4 Bổ sung, điều chỉnh khu vực sân đỗ tàu bay hiện hữu

2.4 Addition, adjustment of the existing apron area

2.4.1 Bổ sung vị trí đỗ 2 (Tọa độ mới)

2.4.1 Addition of stand 2 (New coordinates)

Vị trí đỗ tàu bay Aircraft stand	Tọa độ WGS-84 WGS-84 coordinates		Mức cao (M) Elevation (M)
2	100951.16 N	1040004.66 E	9.84

– Hạn chế khai thác:

Vị trí đỗ 2: Sử dụng cho tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống.

– Thông số kỹ thuật:

+ PCR = 850/R/B/X/U.

+ Loại tầng phủ: Bê tông xi măng.

– Operation limitation:

Stand 2: Used for aircraft up to ATR72 and equivalent.

– Characteristics:

+ PCR = 850/R/B/X/U.

+ Surface: Cement concrete.

2.4.2 Hủy bỏ các vị trí đỗ 1, 2 (Tọa độ hiện hữu), 1A, 2A, 11A, 11B

2.4.2 Cancellation of stands 1, 2 (Existing coordinates), 1A, 2A, 11A, 11B

– Hủy bỏ các vị trí đỗ 1, 2 (Tọa độ hiện hữu), 1A, 2A (NOTAM A0548/26 đã được phát hành để thông báo về nội dung này).

– Cancellation of stands 1, 2 (Existing coordinates), 1A, 2A (NOTAM A0548/26 was issued to notify this content).

– Hủy bỏ các vị trí đỗ 11A, 11B.

– Cancellation of stands 11A, 11B.

2.4.3 Đối với vị trí đỗ 13A

2.4.3 For stand 13A

Đưa vào khai thác trở lại vị trí đỗ linh hoạt 13A sử dụng cho tàu bay B747-400 và tương đương trở xuống.

Flexible stand 13A is put into operation and used for aircraft up to B747-400 and equivalent.

2.5 Thông số các vật lăn

2.5 Characteristics of taxilane

2.5.1 Vật lăn N1

2.5.1 Taxilane N1

– Ký hiệu: N1.

– Designation: N1.

– Chiều rộng: 15,0 m

– Width: 15.0 m.

– Loại tầng phủ bề mặt: Bê tông xi măng.

– Surface: Cement concrete.

– Sức chịu tải thiết kế: PCR = 820/R/A/W/T.

– Design strength: PCR = 820/R/A/W/T.

2.5.2 Vật lăn N2

2.5.2 Taxilane N2

– Ký hiệu: N2.

– Designation: N2.

– Chiều rộng: 15,0 m.

– Width: 15.0 m.

– Loại tầng phủ bề mặt: Bê tông xi măng.

– Surface: Cement concrete.

– Sức chịu tải thiết kế: PCR = 820/R/A/W/T.

– Design strength: PCR = 820/R/A/W/T.

2.5.3 Vật lăn N3

2.5.3 Taxilane N3

– Ký hiệu: N3.

– Designation: N3.

– Chiều rộng: 23,0 m.

– Width: 23.0 m.

– Loại tầng phủ bề mặt: Bê tông xi măng.

– Surface: Cement concrete.

– Sức chịu tải thiết kế: PCR = 820/R/A/W/T.

– Design strength: PCR = 820/R/A/W/T.

2.5.4 Vật lăn A

2.5.4 Taxilane A

– Ký hiệu: A.

– Designation: A.

– Chiều rộng: 25,0 m.

– Width: 25.0 m.

– Loại tầng phủ bề mặt: Bê tông xi măng.

– Surface: Cement concrete.

– Sức chịu tải thiết kế: PCR = 850/R/B/X/U.

– Design strength: PCR = 850/R/B/X/U.

2.6 Phương án khai thác, vận hành tàu bay

2.6.1 Phần sân đỗ hiện hữu

a) Phương án khai thác, vận hành tàu bay đối với từng vị trí đỗ, hạn chế khai thác

- **Vị trí đỗ 2:** Sử dụng cho loại tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống.
 - Đối với tàu bay đến: Tàu bay tự lăn vào vị trí đỗ.
 - Đối với tàu bay khởi hành: Dùng xe đẩy khi tàu bay khởi hành.
 - Những hạn chế/lưu ý khi khai thác:
 - + Chỉ sử dụng phương thức đẩy lùi tàu bay từ vị trí đỗ, mũi tàu bay quay về hướng Đông để khởi hành qua đường lăn A1.
 - + Khi có tàu bay Code E lăn qua đường lăn A1 thì người và phương tiện mặt đất phục vụ tại vị trí đỗ 2 phải đảm bảo khoảng cách an toàn với luồng phòng phụt của động cơ tàu bay.
- **Vị trí đỗ 3:** Sử dụng cho tàu bay A321 và tương đương trở xuống.
 - Đối với tàu bay đến: Tàu bay tự lăn vào vị trí đỗ.
 - Đối với tàu bay khởi hành: Dùng xe đẩy khi tàu bay khởi hành.
 - Những hạn chế/ lưu ý khi khai thác:
 - + Chỉ được bố trí tàu bay tại vị trí đỗ 3 khi không có tàu bay tại vị trí đỗ 3A.
 - + Chỉ sử dụng phương thức đẩy lùi tàu bay, mũi tàu bay về hướng Đông để khởi hành qua đường lăn A1.
- **Vị trí đỗ 3A:** Sử dụng cho tàu bay B747-400 và tương đương trở xuống.
 - Đối với tàu bay đến: Tàu bay tự lăn vào vị trí đỗ.
 - Đối với tàu bay khởi hành: Dùng xe đẩy khi tàu bay khởi hành.
 - Những hạn chế/ lưu ý khi khai thác:
 - + Chỉ được bố trí tàu bay tại vị trí đỗ 3A khi không có tàu bay tại vị trí đỗ 3-4-4A.
 - + Chỉ sử dụng phương thức đẩy lùi tàu bay, mũi tàu bay về hướng Đông để khởi hành qua đường lăn A1.
- **Vị trí đỗ 4:** Sử dụng cho tàu bay A321 và tương đương trở xuống.
 - Đối với tàu bay đến: Tàu bay tự lăn vào vị trí đỗ.
 - Đối với tàu bay khởi hành: Dùng xe đẩy khi tàu bay khởi hành.
 - Những hạn chế/ lưu ý khi khai thác: Chỉ được bố trí tàu bay tại vị trí số 4 khi không có tàu bay tại vị trí đỗ 4A.
- **Vị trí đỗ 4A:** Sử dụng cho loại tàu bay Embraer (E195) và tương đương trở xuống.
 - Đối với tàu bay đến: Tàu bay tự lăn vào vị trí đỗ.
 - Đối với tàu bay khởi hành: Dùng xe đẩy khi tàu bay khởi hành hoặc tàu bay tự lăn ra.
 - Những hạn chế/ lưu ý khi khai thác:
 - + Chỉ được bố trí tàu bay tại vị trí số 4A khi không có tàu bay tại vị trí đỗ 4.
 - + Chỉ được phép tự lăn ra khi không có tàu bay đỗ tại các vị trí đỗ 3, 3A; không có phương tiện, thiết bị mặt đất tập kết tại các khu vực giữa vị trí đỗ 3-4.

2.6 Aircraft operational procedures

2.6.1 Existing apron

a) Aircraft operational procedures for each stand, operational limitation

- **Stand 2:** Used for aircraft up to ATR72 and equivalent.
 - For arriving aircraft: Aircraft self-taxi into stand.
 - For departing aircraft: Tow tractor is used for departure.
 - Limitation/note when operating:
 - + Only push-back procedure from the stand is used, the nose of aircraft face East for departure via TWY A1.
 - + When there are aircraft Code E taxiing via TWY A1, ground equipment and personnel at stand 2 shall ensure a safe distance from the aircraft engine jet blast.
- **Stand 3:** Used for aircraft up to A321 and equivalent.
 - For arriving aircraft: Aircraft self-taxi into stand.
 - For departing aircraft: Tow tractor is used for departure.
 - Limitation/note when operating:
 - + Only used for aircraft at stand 3 when there is no aircraft parking at stand 3A.
 - + Only push-back procedure is used, the nose of aircraft face East for departure via TWY A1.
- **Stand 3A:** Used for aircraft up to B747-400 and equivalent.
 - For arriving aircraft: Aircraft self-taxi into stand.
 - For departing aircraft: Tow tractor is used for departure.
 - Limitation/note when operating:
 - + Only used for aircraft at stand 3A when there are no aircraft parking at stands 3-4-4A.
 - + Only push-back procedure is used, the nose of aircraft face East for departure via TWY A1.
- **Stand 4:** Used for aircraft up to A321 and equivalent.
 - For arriving aircraft: Aircraft self-taxi into stand.
 - For departing aircraft: Tow tractor is used for departure.
 - Limitation/note when operating: Only used for aircraft at stand 4 when there is no aircraft parking at stand 4A.
- **Stand 4A:** Used for aircraft up to Embraer (E195) and equivalent.
 - For arriving aircraft: Aircraft self-taxi into stand.
 - For departing aircraft: Tow tractor is used for departure aircraft or aircraft self-taxi out.
 - Limitation/note when operating:
 - + Only used for aircraft at stand 4A when there is no aircraft parking at stand 4.
 - + Only self-taxi out when there are no aircraft parking at stands 3, 3A; there are no vehicles or ground equipment staged in the areas between stands 3-4.

- + Trang thiết bị mặt đất không được di chuyển trên đường công vụ CV3 (ở các vị trí đỗ 3, 4).
- **Vị trí đỗ 5:** Sử dụng cho tàu bay A321 và tương đương trở xuống.
 - Đối với tàu bay đến: Tàu bay tự lăn vào vị trí đỗ.
 - Đối với tàu bay khởi hành: Dùng xe đẩy khi tàu bay khởi hành.
 - Những hạn chế/ lưu ý khi khai thác: Chỉ được bố trí tàu bay tại vị trí đỗ 5 khi không có tàu bay tại vị trí đỗ 5A, 5B.
- **Vị trí đỗ 5A:** Sử dụng cho loại tàu bay Embraer (E195) và tương đương trở xuống.
 - Đối với tàu bay đến: Tàu bay tự lăn vào vị trí đỗ.
 - Đối với tàu bay khởi hành: Dùng xe đẩy khi tàu bay khởi hành hoặc tàu bay tự lăn ra.
 - Những hạn chế/ lưu ý khi khai thác:
 - + Chỉ được bố trí tàu bay tại vị trí 5A khi không có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 5; 5B.
 - + Chỉ được phép tự lăn ra khi không có tàu bay đỗ tại các vị trí đỗ 3, 3A, 4, 4A không có phương tiện, thiết bị mặt đất tập kết tại các khu vực giữa vị trí đỗ 3-4 và khu vực giữa vị trí số 4-5.
 - + Trang thiết bị mặt đất không được di chuyển trên đường công vụ CV3 (ở các vị trí đỗ 3, 4).
- **Vị trí đỗ 5B:** Sử dụng cho tàu bay B747-400 và tương đương trở xuống.
 - Đối với tàu bay đến: Tàu bay tự lăn vào vị trí đỗ.
 - Đối với tàu bay khởi hành: Dùng xe đẩy khi tàu bay khởi hành.
 - Những hạn chế/ lưu ý khi khai thác: Chỉ được bố trí tàu bay tại vị trí đỗ 5B khi không có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 5, 6, 5A, 6A.
- **Vị trí đỗ 6:** Sử dụng cho tàu bay A321 và tương đương trở xuống.
 - Đối với tàu bay đến: Tàu bay tự lăn vào vị trí đỗ.
 - Đối với tàu bay khởi hành: Dùng xe đẩy khi tàu bay khởi hành.
 - Những hạn chế/ lưu ý khi khai thác: Chỉ được bố trí tàu bay tại vị trí đỗ 6 khi không có tàu bay tại vị trí đỗ 6A, 5B.
- **Vị trí đỗ 6A:** Sử dụng cho loại tàu bay Embraer (E195) và tương đương trở xuống.
 - Đối với tàu bay đến: Tàu bay tự lăn vào vị trí đỗ.
 - Đối với tàu bay khởi hành: Dùng xe đẩy khi tàu bay khởi hành hoặc tàu bay tự lăn ra.
 - Những hạn chế/ lưu ý khi khai thác:
 - + Chỉ được bố trí tàu bay tại vị trí đỗ 6A khi không có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 6, 5B.
 - + Chỉ được phép tự lăn ra khi không có tàu bay đỗ tại các vị trí đỗ 3, 4, 5, 3A, 4A, 5A, 5B; không có phương tiện, thiết bị mặt đất tập kết tại các khu vực giữa vị trí đỗ 3-4, khu vực giữa vị trí số 4-5 và khu vực giữa vị trí số 5-6.
 - + Trang thiết bị mặt đất không được di chuyển trên đường công vụ CV3 (ở các vị trí đỗ 3, 4).
- **Các vị trí đỗ 7, 8, 9, 10, 11, 13A:** Sử dụng cho loại tàu bay B747-400 và tương đương trở xuống.
 - Đối với tàu bay đến: Tàu bay tự lăn vào vị trí đỗ;
 - Đối với tàu bay khởi hành: Dùng xe đẩy khi tàu bay khởi hành.
- + Ground equipment is not permitted to operate on service road CV3 (at stands 3, 4).
- **Stand 5:** Used for aircraft up to A321 and equivalent.
 - For arriving aircraft: Aircraft self-taxi into stand.
 - For departing aircraft: Tow tractor is used for departure.
 - Limitation/note when operating: Only used for aircraft at stand 5 when there are no aircraft parking at stands 5A, 5B.
- **Stand 5A:** Used for aircraft up to Embraer (E195) and equivalent.
 - For arriving aircraft: Aircraft self-taxi into stand.
 - For departing aircraft: Tow tractor is used for departure aircraft or aircraft self-taxi out.
 - Limitation/note when operating:
 - + Only used for aircraft at stand 5A when there are no aircraft parking at stands 5; 5B.
 - + Only self-taxi out when there are no aircraft parking at stands 3, 3A, 4, 4A; there are no vehicles or ground equipment staged in the areas between stands 3-4 and between stands 4-5.
 - + Ground equipment is not permitted to operate on service road CV3 (at stands 3, 4).
- **Stand 5B:** Used for aircraft up to B747-400 and equivalent.
 - For arriving aircraft: Aircraft self-taxi into stand.
 - For departing aircraft: Tow tractor is used for departure.
 - Limitation/note when operating: Only used for aircraft at stand 5B when there are no aircraft parking at stands 5, 6, 5A, 6A.
- **Stand 6:** Used for aircraft up to A321 and equivalent
 - For arriving aircraft: Aircraft self-taxi into stand.
 - For departing aircraft: Tow tractor is used for departure.
 - Limitation/note when operating: Only used for aircraft at stand 6 when there are no aircraft parking at stands 6A, 5B.
- **Stand 6A:** Used for aircraft up to Embraer (E195) and equivalent.
 - For arriving aircraft: Aircraft self-taxi into stand.
 - For departing aircraft: Tow tractor is used for departure aircraft or aircraft self-taxi out.
 - Limitation/note when operating:
 - + Only used for aircraft at stand 6A when there are no aircraft parking at stands 6, 5B.
 - + Only self-taxi out when there are no aircraft parking at stands 3, 4, 5, 3A, 4A, 5A, 5B; there are no vehicles or ground equipment staged in the areas between stands 3-4, between stands 4-5 and between stands 5-6.
 - + Ground equipment is not permitted to operate on service road CV3 (at stands 3, 4).
- **Stands 7, 8, 9, 10, 11, 13A:** Used for aircraft up to B747-400 and equivalent.
 - For arriving aircraft: Aircraft self-taxi into stand.
 - For departing aircraft: Tow tractor is used for departure.

- Những hạn chế/ lưu ý khi khai thác: Chỉ được bố trí tàu bay tại vị trí đỗ 13A khi không có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 13 và 14.
 - Các vị trí đỗ 12, 13, 14:** Sử dụng cho loại tàu bay A321 và tương đương trở xuống.
 - Đối với tàu bay đến: Tàu bay tự lăn vào vị trí đỗ;
 - Đối với tàu bay khởi hành: Dùng xe đẩy khi tàu bay khởi hành.
 - Những hạn chế/ lưu ý khi khai thác:
 - Chỉ được bố trí tàu bay tại vị trí đỗ 13, 14 khi không có tàu bay đỗ tại vị trí đỗ 13A.
 - Tàu bay tại vị trí đỗ 14: Chỉ sử dụng phương thức đẩy mũi tàu bay về hướng Tây để khởi hành qua đường lăn A3.
- Limitation/note when operating: Only used for aircraft at stand 13A when there are no aircraft parking at stands 13 and 14.
 - Stands 12, 13, 14:** Used for aircraft up to A321 and equivalent
 - For arriving aircraft: Aircraft self-taxi into stand.
 - For departing aircraft: Tow tractor is used for departure.
 - Limitation/note when operating:
 - Only used for aircraft at stand 13, 14 when there are no aircraft parking at stand 13A.
 - Aircraft at stand 14: Only push-back procedure is used, the nose of aircraft face West for departure via TWY A3.
- b) **Phương án vận hành tàu bay từ đường cất hạ cánh, đường lăn vào sân đỗ và ngược lại:** b) **Aircraft operating procedures from RWY and TWYs into apron and vice versa.**

Vị trí đỗ tàu bay Aircraft stand	Phương thức vận hành tàu bay Aircraft operational procedures
2	<p>- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/đường lăn S4/ đường lăn S5/ đường lăn S6/ đường lăn S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A1/ đường lăn A2 /đường lăn A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 2 → Vị trí đỗ 2.</p> <p>- Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 2 → Vệt lăn A → Đường lăn A1 → Đường lăn song song S → Đường lăn S1/ đường lăn S9 → Đường CHC 10/28.</p> <p>- Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/TWY S4/ TWY S5/ TWY S6/ TWY S8 → Parallel TWY S → TWY A1/ TWY A2 /TWY A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 2 → Stand 2.</p> <p>- Take-off procedure: Stand 2 → Taxilane A → TWY A1 → Parallel TWY S → TWY S1/ TWY S9 → RWY 10/28.</p>
3	<p>- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/ đường lăn S4/ đường lăn S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/ đường lăn S6/ đường lăn S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A1 / đường lăn A2 /đường lăn A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 3 → Vị trí đỗ 3.</p> <p>- Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 3 → Vệt lăn A → Đường lăn A1 → Đường lăn song song S → Đường lăn S1/ đường lăn S9 → Đường CHC 10/28.</p> <p>- Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/ TWY S4/ TWY S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/ TWY S6/ TWY S8 → Parallel TWY S → TWY A1 /TWY A2 /TWY A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 3 → Stand 3.</p> <p>- Take-off procedure: Stand 3 → Taxilane A → TWY A1 → Parallel TWY S → TWY S1/ TWY S9 → RWY 10/28.</p>
3A	<p>- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/ đường lăn S4/ đường lăn S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/ đường lăn S6 /đường lăn S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A1/ đường lăn A2/ đường lăn A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ số 3A → Vị trí đỗ số 3A.</p> <p>- Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 3A → Vệt lăn A → Đường lăn A1 → Đường lăn song song S → Đường lăn S1/ đường lăn S9 → Đường CHC 10/28.</p> <p>- Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/ TWY S4/ TWY S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/ TWY S6 /TWY S8 → Parallel TWY S → TWY A1/ TWY A2/ TWY A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 3A → Stand 3A.</p> <p>- Take-off procedure: Stand 3A → Taxilane A → TWY A1 → Parallel TWY S → TWY S1/ TWY S9 → RWY 10/28.</p>
4	<p>- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/ đường lăn S4/ đường lăn S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/ đường lăn S6 /đường lăn S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A1/ đường lăn A2/ đường lăn A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 4 → Vị trí đỗ 4.</p> <p>- Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 4 → Vệt lăn A → Đường lăn A1/ đường lăn A2/ đường lăn A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S1/ đường lăn S9 → Đường CHC 10/28.</p> <p>- Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/ TWY S4/ TWY S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/ TWY S6 /TWY S8 → Parallel TWY S → TWY A1/ TWY A2/ TWY A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 4 → Stand 4.</p> <p>- Take-off procedure: Stand 4 → Taxilane A → TWY A1/ TWY A2/ TWY A3 → Parallel TWY S → TWY S1/ TWY S9 → RWY 10/28.</p>

Vị trí đỗ tàu bay Aircraft stand	Phương thức vận hành tàu bay Aircraft operational procedures
4A	<p>- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/ đường lăn S4/ đường lăn S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/ đường lăn S6 /đường lăn S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A1/ đường lăn A2/ đường lăn A3 → Vệt lăn A→ Vệt lăn vào vị trí đỗ 4A → Vị trí đỗ 4A.</p> <p>- Phương thức cất cánh: + Vị trí đỗ 4A → Vệt lăn A → Đường lăn A1/ đường lăn A2/ đường lăn A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S1/ đường lăn S9 → Đường CHC 10/28, hoặc + Tàu bay tự lăn từ vị trí đỗ 4A theo vệt lăn ra vị trí đỗ 3 → Vệt lăn A → Đường lăn A1/ đường lăn A2/ đường lăn A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S1/ đường lăn S9 → Đường CHC 10/28.</p> <p>- Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/ TWY S4/ TWY S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/ TWY S6 /TWY S8 → Parallel TWY S → TWY A1/ TWY A2/ TWY A3 → Taxilane A→ Taxilane into stand 4A → Stand 4A.</p> <p>- Take-off procedure: + Stand 4A → Taxilane A → TWY A1/ TWY A2/ TWY A3 → Parallel TWY S → TWY S1/ TWY S9 → RWY 10/28, or + Aircraft self-taxi from stand 4A via taxilane to stand 3 → Taxilane A → TWY A1/ TWY A2/ TWY A3 → Parallel TWY S → TWY S1/ TWY S9 → RWY 10/28.</p>
5	<p>- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/ đường lăn S4/ đường lăn S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/ đường lăn S6 /đường lăn S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A1/ đường lăn A2/ đường lăn A3 → Vệt lăn A→ Vệt lăn vào vị trí đỗ 5 → Vị trí đỗ 5.</p> <p>- Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 5 → Vệt lăn A → Đường lăn A1/ đường lăn A2/ đường lăn A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S1/ đường lăn S9 → Đường CHC 10/28.</p> <p>- Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/ TWY S4/ TWY S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/ TWY S6 /TWY S8 → Parallel TWY S → TWY A1/ TWY A2/ TWY A3 → Taxilane A→ Taxilane into stand 5 → Stand 5.</p> <p>- Take-off procedure: Stand 5 → Taxilane A → TWY A1/ TWY A2/ TWY A3 → Parallel TWY S → TWY S1/ TWY S9 → RWY 10/28.</p>
5A	<p>- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/ đường lăn S4/ đường lăn S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/ đường lăn S6 /đường lăn S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A1/ đường lăn A2/ đường lăn A3 → Vệt lăn A→ Vệt lăn vào vị trí đỗ 5A → Vị trí đỗ 5A.</p> <p>- Phương thức cất cánh: + Vị trí đỗ 5A → Vệt lăn A → Đường lăn A1/ đường lăn A2/ đường lăn A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S1/ đường lăn S9 → Đường CHC 10/28, hoặc + Tàu bay tự lăn từ vị trí đỗ 5A theo vệt lăn ra vị trí đỗ 3 → Vệt lăn A → Đường lăn A1/ đường lăn A2/ đường lăn A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S1/ đường lăn S9 → Đường CHC 10/28.</p> <p>- Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/ TWY S4/ TWY S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/ TWY S6 /TWY S8 → Parallel TWY S → TWY A1/ TWY A2/ TWY A3 → Taxilane A→ Taxilane into stand 5A → Stand 5A.</p> <p>- Take-off procedure: + Stand 5A → Taxilane A → TWY A1/ TWY A2/ TWY A3 → Parallel TWY S → TWY S1/ TWY S9 → RWY 10/28, or + Aircraft self-taxi from stand 5A via taxilane to stand 3 → Taxilane A → TWY A1/ TWY A2/ TWY A3 → Parallel TWY S → TWY S1/ TWY S9 → RWY 10/28.</p>
6	<p>- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/ đường lăn S4/ đường lăn S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/ đường lăn S6 /đường lăn S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A1/ đường lăn A2/ đường lăn A3 → Vệt lăn A→ Vệt lăn vào vị trí đỗ 6 → Vị trí đỗ 6.</p> <p>- Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 6 → Vệt lăn A → Đường lăn A1/ đường lăn A2/ đường lăn A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S1/ đường lăn S9 → Đường CHC 10/28.</p> <p>- Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/ TWY S4/ TWY S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/ TWY S6 /TWY S8 → Parallel TWY S → TWY A1/ TWY A2/ TWY A3 → Taxilane A→ Taxilane into stand 6 → Stand 6.</p> <p>- Take-off procedure: Stand 6 → Taxilane A → TWY A1/ TWY A2/ TWY A3 → Parallel TWY S → TWY S1/ TWY S9 → RWY 10/28.</p>
6A	<p>- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/ đường lăn S4/ đường lăn S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/ đường lăn S6 /đường lăn S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A1/ đường lăn A2/ đường lăn A3 → Vệt lăn A→ Vệt lăn vào vị trí đỗ 6A → Vị trí đỗ 6A.</p> <p>- Phương thức cất cánh: + Vị trí đỗ 6A → Vệt lăn A → Đường lăn A1/ đường lăn A2/ đường lăn A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S1/ đường lăn S9 → Đường CHC 10/28, hoặc + Tàu bay tự lăn từ vị trí đỗ 6A theo vệt lăn ra vị trí đỗ 3 → Vệt lăn A → Đường lăn A1/ đường lăn A2/ đường lăn A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S1/ đường lăn S9 → Đường CHC 10/28.</p> <p>- Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/ TWY S4/ TWY S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/ TWY S6 /TWY S8 → Parallel TWY S → TWY A1/ TWY A2/ TWY A3 → Taxilane A→ Taxilane into stand 6A → Stand 6A.</p> <p>- Take-off procedure: + Stand 6A → Taxilane A → TWY A1/ TWY A2/ TWY A3 → Parallel TWY S → TWY S1/ TWY S9 → RWY 10/28, or + Aircraft self-taxi from stand 6A via taxilane to stand 3 → Taxilane A → TWY A1/ TWY A2/ TWY A3 → Parallel TWY S → TWY S1/ TWY S9 → RWY 10/28.</p>

Vị trí đỗ tàu bay Aircraft stand	Phương thức vận hành tàu bay Aircraft operational procedures
7	<p>- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/ đường lăn S4/ đường lăn S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/ đường lăn S6 /đường lăn S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A1/ đường lăn A2/ đường lăn A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 7 → Vị trí đỗ 7.</p> <p>- Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 7 → Vệt lăn A → Đường lăn A1/ đường lăn A2/ đường lăn A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S1/ đường lăn S9 → Đường CHC 10/28.</p> <p>- Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/ TWY S4/ TWY S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/ TWY S6 /TWY S8 → Parallel TWY S → TWY A1/ TWY A2/ TWY A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 7 → Stand 7.</p> <p>- Take-off procedure: Stand 7 → Taxilane A → TWY A1/ TWY A2/ TWY A3 → Parallel TWY S → TWY S1/ TWY S9 → RWY 10/28.</p>
8	<p>- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/ đường lăn S4/ đường lăn S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/ đường lăn S6 /đường lăn S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A1/ đường lăn A2/ đường lăn A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 8 → Vị trí đỗ 8.</p> <p>- Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 8 → Vệt lăn A → Đường lăn A1/ đường lăn A2/ đường lăn A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S1/ đường lăn S9 → Đường CHC 10/28.</p> <p>- Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/ TWY S4/ TWY S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/ TWY S6 /TWY S8 → Parallel TWY S → TWY A1/ TWY A2/ TWY A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 8 → Stand 8.</p> <p>- Take-off procedure: Stand 8 → Taxilane A → TWY A1/ TWY A2/ TWY A3 → Parallel TWY S → TWY S1/ TWY S9 → RWY 10/28.</p>
9	<p>- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/ đường lăn S4/ đường lăn S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/ đường lăn S6 /đường lăn S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A1/ đường lăn A2/ đường lăn A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 9 → Vị trí đỗ 9.</p> <p>- Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 9 → Vệt lăn A → Đường lăn A1/ đường lăn A2/ đường lăn A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S1/ đường lăn S9 → Đường CHC 10/28.</p> <p>- Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/ TWY S4/ TWY S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/ TWY S6 /TWY S8 → Parallel TWY S → TWY A1/ TWY A2/ TWY A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 9 → Stand 9.</p> <p>- Take-off procedure: Stand 9 → Taxilane A → TWY A1/ TWY A2/ TWY A3 → Parallel TWY S → TWY S1/ TWY S9 → RWY 10/28.</p>
10	<p>- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/ đường lăn S4/ đường lăn S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/ đường lăn S6 /đường lăn S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A1/ đường lăn A2/ đường lăn A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 10 → Vị trí đỗ 10.</p> <p>- Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 10 → Vệt lăn A → Đường lăn A1/ đường lăn A2/ đường lăn A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S1/ đường lăn S9 → Đường CHC 10/28.</p> <p>- Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/ TWY S4/ TWY S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/ TWY S6 /TWY S8 → Parallel TWY S → TWY A1/ TWY A2/ TWY A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 10 → Stand 10.</p> <p>- Take-off procedure: Stand 10 → Taxilane A → TWY A1/ TWY A2/ TWY A3 → Parallel TWY S → TWY S1/ TWY S9 → RWY 10/28.</p>
11	<p>- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/ đường lăn S4/ đường lăn S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/ đường lăn S6 /đường lăn S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A1/ đường lăn A2/ đường lăn A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 11 → Vị trí đỗ 11.</p> <p>- Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 11 → Vệt lăn A → Đường lăn A1/ đường lăn A2/ đường lăn A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S1/ đường lăn S9 → Đường CHC 10/28.</p> <p>- Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/ TWY S4/ TWY S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/ TWY S6 /TWY S8 → Parallel TWY S → TWY A1/ TWY A2/ TWY A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 11 → Stand 11.</p> <p>- Take-off procedure: Stand 11 → Taxilane A → TWY A1/ TWY A2/ TWY A3 → Parallel TWY S → TWY S1/ TWY S9 → RWY 10/28.</p>
12	<p>- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/ đường lăn S4/ đường lăn S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/ đường lăn S6 /đường lăn S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A1/ đường lăn A2/ đường lăn A3 → Vệt lăn A → Vệt lăn vào vị trí đỗ 12 → Vị trí đỗ 12.</p> <p>- Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 12 → Vệt lăn A → Đường lăn A1/ đường lăn A2/ đường lăn A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S1/ đường lăn S9 → Đường CHC 10/28.</p> <p>- Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/ TWY S4/ TWY S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/ TWY S6 /TWY S8 → Parallel TWY S → TWY A1/ TWY A2/ TWY A3 → Taxilane A → Taxilane into stand 12 → Stand 12.</p> <p>- Take-off procedure: Stand 12 → Taxilane A → TWY A1/ TWY A2/ TWY A3 → Parallel TWY S → TWY S1/ TWY S9 → RWY 10/28.</p>

Vị trí đỗ tàu bay Aircraft stand	Phương thức vận hành tàu bay Aircraft operational procedures
13	<p>- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/ đường lăn S4/ đường lăn S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/ đường lăn S6 /đường lăn S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A1/ đường lăn A2/ đường lăn A3 → Vệt lăn A→ Vệt lăn vào vị trí đỗ 13 → Vị trí đỗ 13.</p> <p>- Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 13 → Vệt lăn A → Đường lăn A1/ đường lăn A2/ đường lăn A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S1/ đường lăn S9 → Đường CHC 10/28.</p> <p>- Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/ TWY S4/ TWY S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/ TWY S6 /TWY S8 → Parallel TWY S → TWY A1/ TWY A2/ TWY A3 → Taxilane A→ Taxilane into stand 13 → Stand 13.</p> <p>- Take-off procedure: Stand 13 → Taxilane A → TWY A1/ TWY A2/ TWY A3 → Parallel TWY S → TWY S1/ TWY S9 → RWY 10/28.</p>
13A	<p>- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/ đường lăn S4/ đường lăn S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/ đường lăn S6 /đường lăn S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A1/ đường lăn A2/ đường lăn A3 → Vệt lăn A→ Vệt lăn vào vị trí đỗ 13A → Vị trí đỗ 13A.</p> <p>- Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 13A → Vệt lăn A → Đường lăn A1/ đường lăn A2/ đường lăn A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S1/ đường lăn S9 → Đường CHC 10/28.</p> <p>- Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/ TWY S4/ TWY S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/ TWY S6 /TWY S8 → Parallel TWY S → TWY A1/ TWY A2/ TWY A3 → Taxilane A→ Taxilane into stand 13A → Stand 13A.</p> <p>- Take-off procedure: Stand 13A → Taxilane A → TWY A1/ TWY A2/ TWY A3 → Parallel TWY S → TWY S1/ TWY S9 → RWY 10/28.</p>
14	<p>- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/ đường lăn S4/ đường lăn S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống)/ đường lăn S6 /đường lăn S8 → Đường lăn song song S → Đường lăn A1/ đường lăn A2/ đường lăn A3 → Vệt lăn A→ Vệt lăn vào vị trí đỗ 14 → Vị trí đỗ 14.</p> <p>- Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 14 → Vệt lăn A → Đường lăn A1/ đường lăn A2/ đường lăn A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S1/ đường lăn S9 → Đường CHC 10/28.</p> <p>- Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/ TWY S4/ TWY S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent)/ TWY S6 /TWY S8 → Parallel TWY S → TWY A1/ TWY A2/ TWY A3 → Taxilane A→ Taxilane into stand 14 → Stand 14.</p> <p>- Take-off procedure: Stand 14 → Taxilane A → TWY A1/ TWY A2/ TWY A3 → Parallel TWY S → TWY S1/ TWY S9 → RWY 10/28.</p>

2.6.2 Phần sân đỗ mở rộng (Khu vực 1C)

a) Phương án khai thác đối với từng vị trí đỗ

- Các vị trí đỗ 15, 16, 17, 18, 19: Sử dụng cho tàu bay A321 và tương đương trở xuống.
 - + Đối với tàu bay đến: Tàu bay tự lăn vào vị trí đỗ.
 - + Đối với tàu bay khởi hành: Tàu bay tự lăn ra để khởi hành.
 - **Những hạn chế/lưu ý tại sân đỗ:**
 - + Tàu bay tại vị trí đỗ 15, 16, 17, 18, 19 chỉ được khởi động động cơ để tự lăn ra khi không có tàu bay hoạt động trên vệt lăn N2 tương ứng từng vị trí đỗ (do ảnh hưởng bởi luồng phòng phụt của động cơ khi tàu bay khởi hành).
 - + Khi tàu bay tại vị trí đỗ 18 khởi động động cơ để khởi hành, tàu bay khác không được lăn vào vệt lăn N1 từ vệt lăn A (do ảnh hưởng bởi luồng phòng phụt của động cơ khi tàu bay khởi hành).
 - + Tàu bay tại vị trí đỗ 19 chỉ được phép tự lăn ra vệt lăn N3 khi không có tàu bay hoạt động trên đường lăn A3.
 - + Khi có tàu bay lăn từ đường lăn A3 vào vệt lăn N2, các tàu bay vận hành từ vệt lăn A lên đường lăn A3 phải dừng chờ; không cho tàu bay lăn từ vệt lăn A vào vệt lăn N1.
 - + Khi có tàu bay lăn từ đường lăn A3 vào vệt lăn N2, người và phương tiện phải dừng chờ quan sát trước vạch dừng chờ trên đường công vụ CV7, CV9, CV10, không được di chuyển trên đường công vụ CV8.
- Trường hợp tàu bay từ đường lăn A3 vào vệt lăn N2 đến vị trí đỗ 18, người và phương tiện không được dừng chờ trên đường công vụ CV7.

2.6.2 Expanded apron (Area 1C)

a) Operational procedures for each stand

- Stands 15, 16, 17, 18, 19: Used for aircraft up to A321 and equivalent.
 - + For arriving aircraft: Aircraft self-taxi into stand.
 - + For departing aircraft: Aircraft self-taxi out for departure.
 - **Limitation/note at apron:**
 - + Aircraft at stands 15, 16, 17, 18, 19 are only permitted to start engines for self-taxi out when there is no aircraft operating on taxilane N2 corresponding to each stand (due to jet blast during departure).
 - + When an aircraft at stand 18 starts engines for departure, other aircraft is not permitted to taxi into taxilane N1 from taxilane A (due to jet blast during departure).
 - + Aircraft at stand 19 is only permitted to self-taxi to taxilane N3 when there is no aircraft taxiing on TWY A3.
 - + When an aircraft taxiing from TWY A3 into taxilane N2, aircraft taxiing from taxilane A to TWY A3 shall hold short, and aircraft is not permitted to taxi from taxilane A into taxilane N1.
 - + When an aircraft taxiing from TWY A3 into taxilane N2, personnel and vehicles shall hold position and observe before the holding line on service roads CV7, CV9, CV10, and is not permitted to operate on service road CV8.
- In the case, aircraft from TWY A3 into taxilane N2 to stand 18, personnel and vehicles shall not hold position on service road CV7.

+ Tàu bay các tại vị trí đỗ 16, 17, 18, 19 chỉ được phép tự lên ra vệt lăn N3 khi không có người, phương tiện phục vụ mặt đất ở vị trí đỗ liền kề bên phải.

+ Người và phương tiện hoạt động trên khu vực sân đỗ 1C phải chú ý quan sát, giữ khoảng cách an toàn đối với tàu bay hoạt động trên sân đỗ theo quy định.

+ Aircraft at stands 16, 17, 18, 19 are only permitted to self-taxi to taxilane N3 when there are no personnel or ground equipment at the adjacent stand on the right side.

+ Personnel and equipment operating within apron 1C should pay attention to observe and keep a safe distance from aircraft operating on apron in accordance with regulations.

b) Phương án vận hành tàu bay từ đường cất hạ cánh, đường lăn vào sân đỗ và ngược lại:

b) Aircraft operating procedures from the RWY, TWYs into apron and vice versa:

Vị trí đỗ tàu bay Aircraft stand	Phương thức vận hành tàu bay Aircraft operational procedures
15	<p>- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/đường lăn S4/ đường lăn S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống) / đường lăn S6/ đường lăn S8 → Đường lăn song song S:</p> <p>+ → Đường lăn A3 → Vệt lăn N2 → Vệt lăn vào vị trí đỗ 15 → Vị trí đỗ 15, hoặc</p> <p>+ → Đường lăn A1/ đường lăn A2 → Vệt lăn A → Vệt lăn N1 → Vệt lăn N2 → Vệt lăn vào vị trí đỗ 15 → Vị trí đỗ 15.</p> <p>- Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 15 → Vệt lăn N3 → Đường lăn A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S1/ đường lăn S9 → Đường CHC 10/28.</p> <p>- Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/TWY S4/ TWY S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent) / TWY S6/ TWY S8 → Parallel TWY S:</p> <p>+ → TWY A3 → Taxilane N2 → Taxilane into stand 15 → Stand 15, or</p> <p>+ → TWY A1/ TWY A2 → Taxilane A → Taxilane N1 → Taxilane N2 → Taxilane into stand 15 → Stand 15.</p> <p>- Take-off procedure: Stand 15 → Taxilane N3 → TWY A3 → Parallel TWY S → TWY S1/ TWY S9 → RWY 10/28.</p>
16	<p>- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/đường lăn S4/ đường lăn S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống) / đường lăn S6/ đường lăn S8 → Đường lăn song song S:</p> <p>+ → Đường lăn A3 → Vệt lăn N2 → Vệt lăn vào vị trí đỗ 16 → Vị trí đỗ 16, or</p> <p>+ → Đường lăn A1/ đường lăn A2 → Vệt lăn A → Vệt lăn N1 → Vệt lăn N2 → Vệt lăn vào vị trí đỗ 16 → Vị trí đỗ 16.</p> <p>- Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 16 → Vệt lăn N3 → Đường lăn A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S1/ đường lăn S9 → Đường CHC 10/28.</p> <p>- Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/TWY S4/ TWY S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent) / TWY S6/ TWY S8 → Parallel TWY S:</p> <p>+ → TWY A3 → Taxilane N2 → Taxilane into stand 16 → Stand 16, or</p> <p>+ → TWY A1/ TWY A2 → Taxilane A → Taxilane N1 → Taxilane N2 → Taxilane into stand 16 → Stand 16.</p> <p>- Take-off procedure: Stand 16 → Taxilane N3 → TWY A3 → Parallel TWY S → TWY S1/ TWY S9 → RWY 10/28.</p>
17	<p>- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/đường lăn S4/ đường lăn S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống) / đường lăn S6/ đường lăn S8 → Đường lăn song song S:</p> <p>+ → Đường lăn A3 → Vệt lăn N2 → Vệt lăn vào vị trí đỗ 17 → Vị trí đỗ 17, hoặc</p> <p>+ → Đường lăn A1/ đường lăn A2 → Vệt lăn A → Vệt lăn N1 → Vệt lăn N2 → Vệt lăn vào vị trí đỗ 17 → Vị trí đỗ 17.</p> <p>- Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 17 → Vệt lăn N3 → Đường lăn A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S1/ đường lăn S9 → Đường CHC 10/28.</p> <p>- Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/TWY S4/ TWY S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent) / TWY S6/ TWY S8 → Parallel TWY S:</p> <p>+ → TWY A3 → Taxilane N2 → Taxilane into stand 17 → Stand 17, or</p> <p>+ → TWY A1/ TWY A2 → Taxilane A → Taxilane N1 → Taxilane N2 → Taxilane into stand 17 → Stand 17.</p> <p>- Take-off procedure: Stand 17 → Taxilane N3 → TWY A3 → Parallel TWY S → TWY S1/ TWY S9 → RWY 10/28.</p>
18	<p>- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/đường lăn S4/ đường lăn S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống) / đường lăn S6/ đường lăn S8 → Đường lăn song song S:</p> <p>+ → Đường lăn A3 → Vệt lăn N2 → Vệt lăn vào vị trí đỗ 18 → Vị trí đỗ 18, hoặc</p> <p>+ → Đường lăn A1/ đường lăn A2 → Vệt lăn A → Vệt lăn N1 → Vệt lăn N2 → Vệt lăn vào vị trí đỗ 18 → Vị trí đỗ 18.</p> <p>- Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 18 → Vệt lăn N3 → Đường lăn A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S1/ đường lăn S9 → Đường CHC 10/28.</p> <p>- Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/TWY S4/ TWY S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent) / TWY S6/ TWY S8 → Parallel TWY S:</p> <p>+ → TWY A3 → Taxilane N2 → Taxilane into stand 18 → Stand 18, or</p> <p>+ → TWY A1/ TWY A2 → Taxilane A → Taxilane N1 → Taxilane N2 → Taxilane into stand 18 → Stand 18.</p> <p>- Take-off procedure: Stand 18 → Taxilane N3 → TWY A3 → Parallel TWY S → TWY S1/ TWY S9 → RWY 10/28.</p>

Vị trí đỗ tàu bay Aircraft stand	Phương thức vận hành tàu bay Aircraft operational procedures
19	<p>- Phương thức hạ cánh: Đường CHC 10/28 → Đường lăn S2/đường lăn S4/ đường lăn S5 (Chỉ áp dụng đối với tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống) / đường lăn S6/ đường lăn S8 → Đường lăn song song S: + → Đường lăn A3 → Vệt lăn N2 → Vệt lăn vào vị trí đỗ 19 → Vị trí đỗ 19, hoặc + → Đường lăn A1/ đường lăn A2 → Vệt lăn A → Vệt lăn N1 → Vệt lăn N2 → Vệt lăn vào vị trí đỗ 19 → Vị trí đỗ 19.</p> <p>- Phương thức cất cánh: Vị trí đỗ 19 → Vệt lăn N3 → Đường lăn A3 → Đường lăn song song S → Đường lăn S1/ đường lăn S9 → Đường CHC 10/28.</p> <p>- Landing procedure: RWY 10/28 → TWY S2/TWY S4/ TWY S5 (Only used for aircraft up to ATR72 and equivalent) / TWY S6/ TWY S8 → Parallel TWY S: + → TWY A3 → Taxilane N2 → Taxilane into stand 19 → Stand 19, or + → TWY A1/ TWY A2 → Taxilane A → Taxilane N1 → Taxilane N2 → Taxilane into stand 19 → Stand 19.</p> <p>- Take-off procedure: Stand 19 → Taxilane N3 → TWY A3 → Parallel TWY S → TWY S1/ TWY S9 → RWY 10/28.</p>

3 HUY BỎ

Tập bổ sung AIP này sẽ huỷ bỏ: Các NOTAM A0548/26, A0572/26, A0573/26, A0574/26 và tập bổ sung AIP 09/26.

Bất kỳ thay đổi nào liên quan đến tập bổ sung AIP này sẽ được thông báo bằng NOTAM.

4 HIỆU LỰC

Tập bổ sung AIP này có hiệu lực từ 0000 ngày 16/04/2026 (UTC).

Tập bổ sung AIP này sẽ còn hiệu lực cho đến khi nội dung được đưa vào AIP Việt Nam.

Tập bổ sung AIP này gồm phụ đính như sau:

- HẾT -

3 CANCELLATION

This AIP Supplement shall supersede: NOTAMs A0548/26, A0572/26, A0573/26, A0574/26 and AIP Supplement 09/26.

Any change relating to this AIP Supplement shall be notified by NOTAM.

4 EFFECT

This AIP Supplement becomes effective from 0000 on 16 APR 2026 (UTC).

This AIP Supplement shall remain in force until its content has been incorporated into AIP Viet Nam.

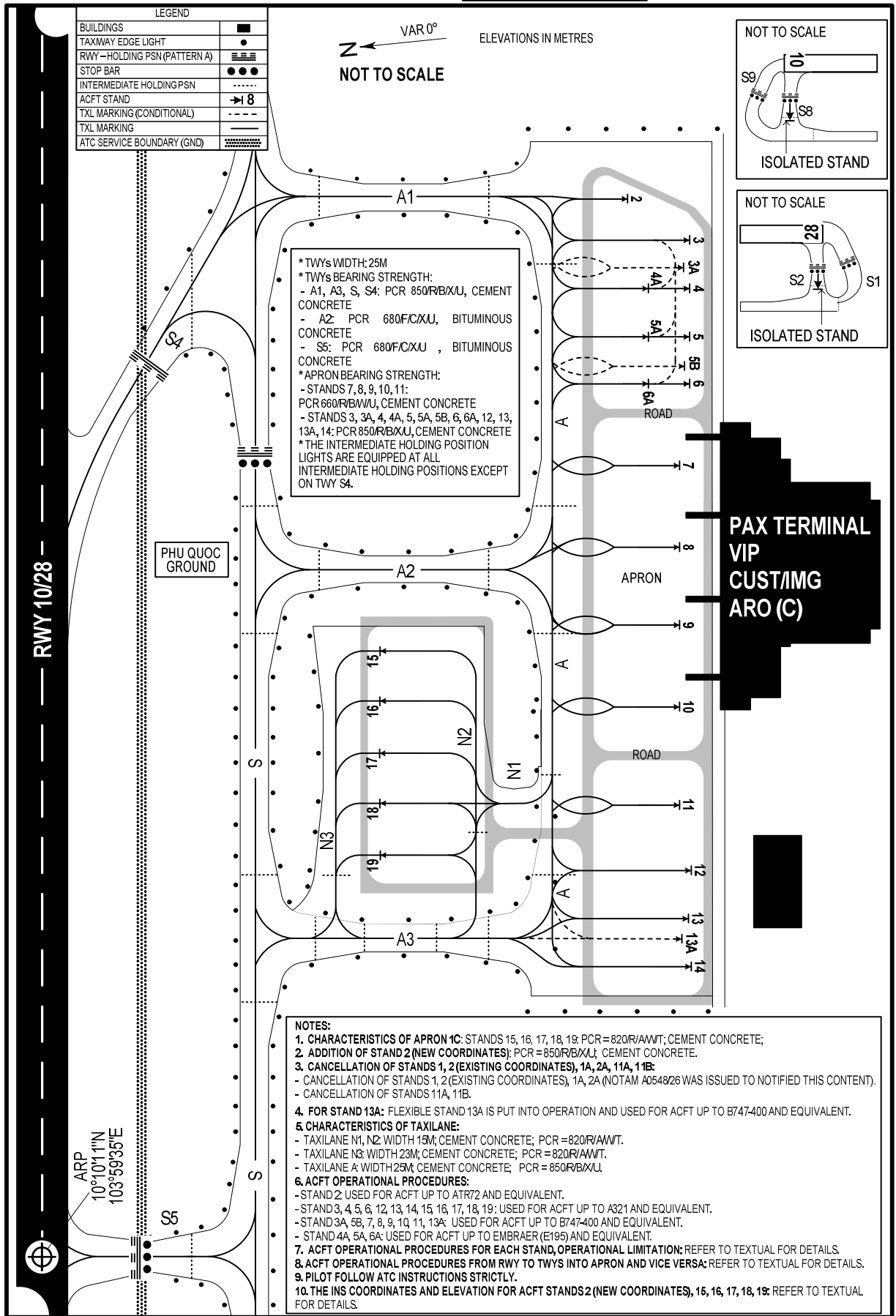
This AIP Supplement consists of attachment as follows:

- END -

LAYOUT OF AIRCRAFT PARKING/DOCKING CHART APRON ELEV
FROM 0000 ON 16 APR 2026 (UTC) 10M

TWR:	118.6	PRI
	118.725	SRY
GROUND :	121.925	PRI
	121.625	SRY
	121.5	EMERG

AN GIANG/PHU QUOC INTL (VVPQ)



CHANGES: ACFT STANDS; TAXILANES; NOTES.

- NOTES:**
- CHARACTERISTICS OF APRON 1C:** STANDS 15, 16, 17, 18, 19: PCR=820R/AMWT; CEMENT CONCRETE;
 - ADDITION OF STAND 2 (NEW COORDINATES):** PCR=850R/BXU; CEMENT CONCRETE.
 - CANCELLATION OF STANDS 1, 2 (EXISTING COORDINATES), 1A, 2A, 11A, 11B:**
 - CANCELLATION OF STANDS 1, 2 (EXISTING COORDINATES), 1A, 2A (NOTAM A054926 WAS ISSUED TO NOTIFIED THIS CONTENT).
 - CANCELLATION OF STANDS 11A, 11B.
 - FOR STAND 13A:** FLEXIBLE STAND 13A IS PUT INTO OPERATION AND USED FOR ACFT UP TO B747-400 AND EQUIVALENT.
 - CHARACTERISTICS OF TAXILANE:**
 - TAXILANE N1, N2: WIDTH 19M; CEMENT CONCRETE; PCR=820R/AMWT.
 - TAXILANE N3: WIDTH 23M; CEMENT CONCRETE; PCR=820R/AMWT.
 - TAXILANE A: WIDTH 25M; CEMENT CONCRETE; PCR=850R/BXU.
 - ACFT OPERATIONAL PROCEDURES:**
 - STAND 2: USED FOR ACFT UP TO ATR72 AND EQUIVALENT.
 - STAND 3, 4, 5, 6, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19: USED FOR ACFT UP TO A321 AND EQUIVALENT.
 - STAND 3A, 5B, 7, 8, 9, 10, 11, 13A: USED FOR ACFT UP TO B747-400 AND EQUIVALENT.
 - STAND 4A, 5A, 6A: USED FOR ACFT UP TO EMBRAER (E195) AND EQUIVALENT.
 - ACFT OPERATIONAL PROCEDURES FOR EACH STAND, OPERATIONAL LIMITATION:** REFER TO TEXTUAL FOR DETAILS.
 - ACFT OPERATIONAL PROCEDURES FROM RWY TO TWYS INTO APRON AND VICE VERSA:** REFER TO TEXTUAL FOR DETAILS.
 - PILOT FOLLOW ATC INSTRUCTIONS STRICTLY.**
 - THE INS COORDINATES AND ELEVATION FOR ACFT STANDS 2 (NEW COORDINATES), 15, 16, 17, 18, 19:** REFER TO TEXTUAL FOR DETAILS.